TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 01 - 02 - 2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Ông Huỳnh Văn Ngoan

+ Bà Lâm Ngọc Tuyền

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2022/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 382/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Minh T1, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn – chị Ngô Thị Tuyết .

(Có mặt chị T, anh T1).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn – chị Ngô Thị T trình bày:

Chị T và anh T1 kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc,

đến khi chị mang thai cháu N được 06 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 06/2019, chị và anh T1 sống ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Võ Tuyết N1, sinh ngày 05/01/2020, hiện đang sống cùng anh T1. Lúc đầu cháu N1 sống với chị ở Thành phố Hồ Chí Minh đến 01 tuổi nhưng do đợt dịch bệnh, chị không có điều kiện chăm sóc nên mới đem cháu N1 về nhà anh T1 ở đến nay, hàng tháng chị có gửi tiền sữa 1.000.000 đồng và tiền ăn khoảng 1.500.000 đồng để phụ nuôi cháu N1. Do anh T1 không có nghề nghiệp, không đủ điều kiện để nuôi cháu N1 nên chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn - anh Võ Minh T1 trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình chung sống và kết hôn. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Võ Tuyết N1, sinh ngày 05/01/2020 hiện đang sống cùng anh tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con vì cháu N1 đã sống cùng anh từ trước đến nay. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh không đồng ý giao con cho chị T nuôi bởi vì chị T đang đi làm ở S, ở nhà trọ một mình trên đó, nếu giao cháu N1 cho chị T nuôi thì chị T cũng gửi nhà trẻ. Anh hiện nay ở nhà phụ gia đình chăn nuôi bò và chăm sóc cháu N1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có,

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 382/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số: 198/2022/QĐ-SCBSBA ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T về việc yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh T1.

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Võ Minh T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Tuyết N1, sinh ngày 05/01/2020, yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng.

-Về con chung: Giao cháu Võ Tuyết N1, sinh ngày 05/01/2020 cho anh Võ Minh T1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Võ Minh T1 không yêu cầu chị Ngô Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ngô Thị T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005745 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 150.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 08/08/2022, chị Ngô Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Võ Tuyết N1, sinh ngày 05/01/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Ngô Thị Tuyết g nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung; Giao con chung là cháu Võ Tuyết N1, sinh ngày 05/01/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con chung.

Anh Võ Minh T1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị Tuyết . Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị T; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Giao cháu Võ Tuyết N1, sinh ngày 05/01/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu. Buộc anh T1 và chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Vế tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Ngô Thị T là trong hạn luật định nên được hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Chị Ngô Thị T kháng cáo cho rằng bản thân chị đã 40 tuổi, chỉ có duy nhất một người con, mà lại là con gái. Tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung giữa chị và anh T1 thì cháu Võ Tuyết N1, sinh ngày 05/01/2020 chỉ mới 31 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Hiện tại, chị T có công việc ổn định tại Công ty P với mức thu nhập 10.000.000 đồng/tháng, trong khi anh T1 không có việc làm, không đảm bảo điều kiện nuôi con. Hơn nữa, trong thời gian anh T1 nuôi con thì anh T1 ngăn cản không cho chị T gửi con về bên ngoại vì thời gian đó dịch bệnh Covid-19 kéo dài, công ty mà chị T làm có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh, nhà giữ trẻ tại thành phố không nhận giữ trẻ, buộc lòng chị T phải gửi cháu N1 cho ông bà nội và anh T1 chăm sóc. Nay dịch bệnh đã được kiểm soát, công việc và thu nhập của chị T đã ổn định, chị T rất nhớ con và tha thiết được đón con về nuôi. Cháu N1 thật sự còn quá nhỏ, rất cần sự gần gũi, chăm sóc và tình thương yêu của người mẹ. Vì vậy, chị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc anh T1 phải giao con cho chị T nuôi, chị không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con và cam kết tạo mọi điều kiện để anh T1 thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị T là có căn cứ phù hợp pháp luật, bởi lẽ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 có lời khai cho rằng hiện nay do cháu N1 còn nhỏ chưa đến tuổi đi học nên anh T1 ở nhà chăn bò để tiện việc chăm sóc cháu N1, khi nào cháu N1 đủ ba tuổi, đi học mẫu giáo thì anh T1 sẽ đi làm lại, nếu cháu N1 đủ ba tuổi mà anh T1 vẫn chưa có việc làm thì anh T1 đồng ý giao cháu N1 cho chị T nuôi dưỡng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh T1 thừa nhận anh không có việc làm, chỉ ở nhà phụ giúp cha mẹ chăn nuôi bò. Từ khi cháu N1 được một tuổi cho đến nay, hàng tháng chị T vẫn gửi tiền và sữa về để anh nuôi cháu N1. Mỗi lần chị T đưa cháu N1 về chơi với ông bà ngoại từ 05 – 10 ngày thì cháu N1 đều thích nghi tốt với môi trường sống mới, không quấy khóc hoặc bỏ ăn.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu N1 cho anh Trung trực t nuôi dưỡng trong khi anh T1 không có việc làm và thu nhập ổn định, không đủ điều kiện để nuôi con là chưa đảm bảo lợi ích của cháu N1 theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, buộc anh T1 phải giao con cháu Võ Tuyết N1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Ngoài ra, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử nhận thấy bản án sơ thẩm có rất nhiều sai sót, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung nhưng vẫn chưa đầy đủ, áp dụng điều luật chưa đúng và tính sai về phần án phí. Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm thủ tục tố tụng nhưng chưa đến mức độ nghiêm trọng và cấp phúc thẩm có thể

khắc phục được nên không cần thiết phải hủy án mà chỉ cần sửa một phần bản án, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ nhận định như đã nêu trên, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309, Điều 147. Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị Tuyết .

Sửa một phần Bản án hôn nhân sơ thẩm số: 382/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Tuyết

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Võ Minh T1.

Về con chung: Buộc anh Võ Minh T1 phải giao cháu Võ Tuyết N1, sinh ngày 05/01/2020 cho chị Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Võ Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu.

Anh Võ Minh T1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Án phí: Chị Ngô Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005745 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho chị Ngô Thị T theo biên lai thu số 0025018 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy